

SỰ HÀI LÒNG VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP LÂM SÀNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

Đỗ Quang Tuyền¹, Nguyễn Thu Phương² và Hà Thị Huyền^{1,✉}

¹Trường Đại học Thăng Long

²Trường Đại học VinUni

Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Thăng Long năm 2024 và xác định một số yếu tố liên quan. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 201 sinh viên năm thứ hai, ba và tư từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2024, sử dụng thang đo Clinical Learning Environment, Supervision and Nurse Teacher Scale (CLES+T) phiên bản tiếng Việt. Kết quả cho thấy điểm trung bình hài lòng chung là $3,73 \pm 0,721$; cao nhất ở khía cạnh công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa ($4,01 \pm 0,695$) và thấp nhất ở môi trường sư phạm lâm sàng ($3,61 \pm 0,824$). Sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng có mối liên quan đến năm học ($p = 0,013$) và khối thực tập lâm sàng ($p = 0,038$). Sinh viên năm hai có điểm trung bình hài lòng chung cao hơn sinh viên năm ba, năm tư ($4,29 \pm 0,62$ so với $4,02 \pm 0,67$), và sinh viên thực tập tại khối Ngoại có điểm trung bình hài lòng chung cao hơn so với sinh viên khối Nội ($4,21 \pm 0,65$ so với $4,00 \pm 0,68$). Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với môi trường học tập lâm sàng, tuy nhiên rào cản lớn nhất vẫn là không khí chung và mối quan hệ với nhân viên y tế tại nơi thực tập.

Từ khóa: Sinh viên điều dưỡng, Môi trường học tập lâm sàng, Sự hài lòng, CLES+T.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hành lâm sàng là một phần không thể thiếu, là nền tảng vô cùng quan trọng trong việc giáo dục và đào tạo nhân lực ngành y tế. Môi trường học tập lâm sàng được cho là một mạng lưới gồm nhiều yếu tố có tác động đến kết quả học tập của sinh viên.^{1,2} Những nỗ lực để cải thiện môi trường học tập lâm sàng không chỉ có tác động tích cực đến kết quả học tập hiện tại mà còn ảnh hưởng đến việc thực hành chăm sóc người bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng của người điều dưỡng trong tương lai.³

Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng đối với các khía cạnh của việc học lâm sàng có thể được coi là thước đo cho hoạt động cải tiến chất lượng dạy-học lâm sàng, là cơ sở để các đơn

vị đào tạo xác định điểm mạnh, điểm yếu, từ đó có giải pháp nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.⁴ Trong một số các nghiên cứu cùng chủ đề, sinh viên điều dưỡng Việt Nam có tỷ lệ hài lòng với môi trường học tập lâm sàng ở mức cao.^{5,6} Trong khi đó, tỷ lệ hài lòng của sinh viên điều dưỡng trên thế giới lại đang có xu hướng giảm dần.^{7,8} Tại Trường Đại học Thăng Long, sinh viên điều dưỡng được đào tạo từ năm 2006 với cơ sở thực hành là các bệnh viện lớn, hầu hết là các bệnh viện tuyến Trung ương trên địa bàn Hà Nội. Trong khuôn khổ hoạt động tự rà soát hàng năm các lĩnh vực như đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý và dịch vụ... Trường Đại học Thăng Long thực hiện định kỳ việc lấy ý kiến người học về các nội dung liên quan đến hoạt động đào tạo nhằm thu thập thông tin phản hồi, phục vụ cho công tác đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo một cách liên tục và có hệ thống. Từ năm học 2023 - 2024, ngoài các nội dung khảo sát chung, Khoa Khoa học sức khỏe và

Tác giả liên hệ: Hà Thị Huyền

Trường Đại học Thăng Long

Email: huyenht@thanglong.edu.vn

Ngày nhận: 03/07/2025

Ngày được chấp nhận: 03/09/2025

Bộ môn Điều dưỡng đề xuất thêm các nội dung khảo sát đặc thù về dạy-học tại labo, thực hành bệnh viện. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu chính thức nào đánh giá sự hài lòng của sinh viên với môi trường học tập lâm sàng. Đây chính là khoảng trống cần được làm rõ để cung cấp bằng chứng khoa học cho công tác quản lý và cải tiến chương trình đào tạo. Xuất phát từ thực tiễn đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Thăng Long năm 2024” với mục tiêu: Mô tả sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Thăng Long năm 2024 và một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên ngành Điều dưỡng chính quy năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư đang học tại Trường Đại học Thăng Long đã hoàn thành ít nhất một học phần thực hành lâm sàng, đồng ý tham gia nghiên cứu, loại trừ những sinh viên đang bảo lưu, sinh viên bị buộc thôi học, sinh viên đi du học.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

Địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học Thăng Long.

Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 3 đến tháng 6/2024.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

Chọn toàn bộ 201 sinh viên điều dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn.

Công cụ thu thập số liệu và tiêu chí đánh giá:

Bộ công cụ thu thập số liệu gồm 02 phần:

Phần I: Thông tin chung (bao gồm các thông tin: giới tính, năm đào tạo, khối lâm sàng đang thực tập, số khoa lâm sàng đã đi), Phần II: Sự

hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên, được đánh giá bằng thang đo Clinical Learning Environment, Supervision and Nurse Teacher Scale (CLES+T) của tác giả Mikko Saarikoski (2008), phiên bản tiếng Việt đã được chuẩn hóa và sử dụng bởi tác giả Đỗ Thị Ý Như (2013). Thang CLES+T gồm năm phần với 36 câu hỏi: Môi trường sư phạm lâm sàng, Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa, Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa, Mối quan hệ với người hướng dẫn, Vai trò của giảng viên lâm sàng.

Mỗi câu hỏi được đánh giá dựa trên thang điểm Likert có số điểm từ 1 đến 5 tương ứng với mức độ hài lòng của sinh viên từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý, điểm số càng cao thì mức độ hài lòng càng cao.

Bộ công cụ CLES+T có ưu điểm là đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước, cho thấy tính chuẩn hóa cao và độ tin cậy tốt trong việc đánh giá môi trường học tập lâm sàng. Với cấu trúc gồm năm thành phần chính, thang đo bao quát tương đối toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến trải nghiệm học tập của sinh viên, từ môi trường sư phạm đến mối quan hệ với người hướng dẫn. Việc sử dụng thang điểm Likert 5 mức giúp phản ánh rõ ràng mức độ hài lòng, tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích định lượng.

Tuy có nhiều ưu điểm, bộ công cụ CLES+T vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Việc sử dụng phương pháp tự đánh giá có thể bị ảnh hưởng bởi cảm xúc tức thời hoặc những trải nghiệm gần nhất, khiến kết quả chưa phản ánh toàn diện được quá trình học tập lâm sàng.

Nhằm khắc phục các hạn chế nêu trên, trong quá trình triển khai khảo sát, nhóm nghiên cứu đã hướng dẫn sinh viên cách hiểu rõ từng mục hỏi trong bảng khảo sát, đồng thời khuyến khích các em trả lời dựa trên trải nghiệm tổng thể trong suốt quá trình học, thay vì chỉ tập trung

vào một đợt thực tập cụ thể. Đối với hai khía cạnh “Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa” và “Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa” được đánh giá là khá khó để sinh viên nhìn nhận. Tuy nhiên, trước khi đi thực tập lâm sàng, toàn bộ sinh viên đều đã được học về quy trình chăm sóc tiêu chuẩn (lấy người bệnh làm trung tâm, chăm sóc toàn diện, an toàn người bệnh) được tích hợp trong các học phần Điều dưỡng cơ bản và Điều dưỡng chuyên khoa: Sinh viên năm thứ tư được học về mô hình quản lý – lãnh đạo điều dưỡng và y tế trong học phần Quản lý y tế và Điều dưỡng. Đối với sinh viên năm thứ hai, ba sẽ được giới thiệu về nguyên tắc tổ chức nhân lực, quản lý ca trực và vai trò của điều dưỡng trưởng trong duy trì môi trường học tập tích cực trong ngày đầu tiên đi lâm sàng. Ngoài ra, việc sử dụng phiên bản tiếng Việt của công cụ đã được kiểm chứng độ tin cậy trong bối cảnh đào tạo tại Việt Nam giúp nâng cao tính phù hợp và giảm thiểu sai lệch trong thu thập dữ liệu.

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:

Thu thập số liệu qua phát vấn trực tiếp. Sinh viên được tập trung tại giảng đường, được thông báo, giải thích về mục đích và nội dung

của nghiên cứu. Sinh viên được phát phiếu câu hỏi khảo sát và điền câu trả lời vào phiếu câu hỏi. Trong quá trình thực hiện khảo sát, các thắc mắc (nếu có) của sinh viên được nghiên cứu viên giải đáp trực tiếp, công khai và rõ ràng.

Số liệu được nhập liệu và xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0.1. Thống kê mô tả và phân tích được sử dụng để tính tần suất, tỷ lệ %, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Kiểm định Chi-square để xác định mối liên quan giữa mức độ hài lòng với các yếu tố ($p < 0,05$ là mức thống kê có ý nghĩa).

Để giảm thiểu sai số nhớ lại, bộ câu hỏi được phát cho sinh viên vào tuần cuối cùng của học kỳ, ngay khi sinh viên vừa kết thúc các đợt thực tập lâm sàng.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng đạo đức Trường Đại học Thăng Long thông qua trong biên bản ngày 31 tháng 01 năm 2024, các đối tượng tham gia được giải thích rõ ràng mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia nghiên cứu. Các thông tin thu được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 201)

Đặc điểm chung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	22	10,9
	Nữ	179	89,1
Năm đào tạo	Năm thứ hai	60	29,9
	Năm thứ ba	77	38,3
	Năm thứ tư	64	31,8
Khối lâm sàng đang thực tập	SV đang học lâm sàng khối Nội	138	68,7
	SV đang học lâm sàng khối Ngoại	63	31,3
Số khoa lâm sàng đã đi	SV đã đi ≤ 5 khoa	60	29,9
	SV đã đi > 5 khoa	141	70,1

Hầu hết đối tượng là sinh viên nữ chiếm 89,1%, số lượng sinh viên 3 khối tương đối đều nhau. Hiện sinh viên đang học các môn lâm

sàng khối Nội nhiều hơn khối Ngoại, sinh viên đã đi học trên 5 khoa lâm sàng chiếm đa số.

Bảng 2. Sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về môi trường sư phạm lâm sàng (n = 201)

STT	Nội dung	Mean $\pm$ SD
MT1	Không khí khoa vui vẻ	3,57 $\pm$ 1,143
MT2	Nhân viên dễ tiếp xúc	3,52 $\pm$ 1,154
MT3	Nhân viên thích hướng dẫn	3,34 $\pm$ 1,178
MT4	Nhân viên nhớ tên sinh viên	3,43 $\pm$ 1,152
MT5	Khoa có nhiều tình huống cho sinh viên thực hành	3,99 $\pm$ 0,956
MT6	Những kỹ thuật thực hành đa dạng, phong phú	4,06 $\pm$ 1,025
MT7	Người bệnh hợp tác	3,72 $\pm$ 1,002
MT8	Khoa đủ dụng cụ, trang thiết bị	3,78 $\pm$ 1,017
MT9	Khoa có bố trí phòng học cho sinh viên	3,18 $\pm$ 1,149
MT10	Sinh viên cảm thấy thoải mái khi trực tại khoa	3,25 $\pm$ 1,272
MT11	Sinh viên dễ dàng đặt câu hỏi với người hướng dẫn	3,61 $\pm$ 1,192
MT12	Khoa phòng được xem là môi trường thực hành lâm sàng tốt	3,98 $\pm$ 1,034

Sinh viên hài lòng nhất về sự đa dạng, phong phú của các kỹ thuật thực hành tại khoa (TB = 4,06) cũng như khoa có nhiều tình huống cho sinh viên thực hành (TB = 3,99) và đồng ý rằng khoa phòng là môi trường thực hành lâm sàng

tốt (TB = 3,98). Tuy nhiên, phần lớn sinh viên cho rằng khoa phòng không bố trí phòng học cho sinh viên (TB = 3,18) và cảm thấy không thoải mái khi trực tại khoa (TB = 3,25).

Bảng 3. Sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa (n = 201)

STT	Nội dung	Mean $\pm$ SD
LĐ1	Điều dưỡng trưởng lắng nghe ý kiến của nhân viên	3,63 $\pm$ 1,155
LĐ2	Điều dưỡng trưởng có tham gia hướng dẫn thực hành lâm sàng	3,47 $\pm$ 1,200
LĐ3	Sinh viên học được nhiều kiến thức từ những ý kiến, nhận xét của điều dưỡng trưởng	3,80 $\pm$ 1,083
LĐ4	Điều dưỡng trưởng có phân công nhân viên hướng dẫn sinh viên	4,29 $\pm$ 0,931

Sinh viên có sự đồng tình cao nhất về việc điều dưỡng trưởng có phân công rõ ràng nhân viên hướng dẫn sinh viên thực hành (TB = 4,29).

Trong đó, ít sinh viên đồng ý với ý kiến cho rằng điều dưỡng trưởng có tham gia hướng dẫn thực hành lâm sàng cho sinh viên (TB = 3,47).

Bảng 4. Sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa (n = 201)

STT	Nội dung	Mean $\pm$ SD
CS1	Tại khoa có phương châm, khẩu hiệu chăm sóc người bệnh	4,03 $\pm$ 0,953
CS2	Tại khoa, người bệnh được chăm sóc tốt	3,99 $\pm$ 0,828
CS3	Nhân viên ít gây sai sót khi cung cấp thông tin cho người bệnh	3,99 $\pm$ 0,825
CS4	Phiếu chăm sóc ghi chép đầy đủ, rõ ràng	4,06 $\pm$ 0,884

Sinh viên rất hài lòng về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa lâm sàng với giá trị trung bình từ 3,99 đến 4,06. Trong đó, sinh viên hài

lòng nhất về việc phiếu chăm sóc được ghi chép rõ ràng (TB = 4,06) và tại khoa có phương châm, khẩu hiệu chăm sóc người bệnh (TB = 4,03).

Bảng 5. Sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về mối quan hệ với người hướng dẫn (n = 201)

STT	Nội dung	Mean $\pm$ SD
HD1	Người hướng dẫn tích cực hướng dẫn sinh viên	3,73 $\pm$ 1,161
HD2	Người hướng dẫn thường xuyên nhận xét sau khi sinh viên thực hiện kỹ thuật	3,60 $\pm$ 1,184
HD3	Người hướng dẫn khuyến khích sinh viên hỏi trong khi thực hành	3,66 $\pm$ 1,169
HD4	Người hướng dẫn luôn lắng nghe thông tin từ sinh viên	3,58 $\pm$ 1,061
HD5	Ít có sự bất đồng ý kiến giữa người hướng dẫn và sinh viên	3,61 $\pm$ 1,053
HD6	Sinh viên cảm thấy nhận được sự hướng dẫn cá nhân	3,75 $\pm$ 1,140
HD7	Sinh viên và người hướng dẫn tin tưởng lẫn nhau	3,63 $\pm$ 1,065
HD8	Sinh viên hài lòng với sự hướng dẫn mà họ nhận được	3,84 $\pm$ 1,104

Phần lớn sinh viên hài lòng với sự hướng dẫn mà họ nhận được (TB = 3,84) cũng như đồng ý rằng họ đã nhận được sự hướng dẫn cá nhân (TB = 3,75) và người hướng dẫn rất

nhật tình (TB = 3,73). SV không đồng tình rằng người hướng dẫn luôn lắng nghe thông tin từ sinh viên (TB = 3,58).

Bảng 6. Sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về vai trò của giảng viên lâm sàng (n = 201)

STT	Nội dung	Mean $\pm$ SD
VT1	Giảng viên kết hợp dạy lý thuyết và thực hành hàng ngày	3,69 $\pm$ 1,037
VT2	Giảng viên giúp sinh viên đạt được chỉ tiêu thực hành	3,98 $\pm$ 0,964
VT3	Giảng viên giúp sinh viên giảm khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành	3,93 $\pm$ 0,969
VT4	Giảng viên hướng dẫn nhân viên cách phân công, kiểm tra, đánh giá và cho điểm sinh viên	3,90 $\pm$ 0,924
VT5	Giảng viên và nhân viên bệnh viện cùng làm việc với nhau để hỗ trợ việc học của sinh viên	3,99 $\pm$ 0,922
VT6	Ngoài giờ thực hành, sinh viên, nhân viên điều dưỡng và giảng viên trao đổi thông tin rất thoải mái	3,53 $\pm$ 1,114
VT7	Những lúc nói chuyện với giảng viên và nhân viên y tế ngoài giờ thực hành, sinh viên cảm giác như là đồng nghiệp	3,36 $\pm$ 1,145
VT8	Những lúc nói chuyện với nhân viên và giảng viên, sinh viên học được những kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử	4,15 $\pm$ 0,970

Sinh viên rất hài lòng với những kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử mà mình học được từ những lần nói chuyện với nhân viên và giảng viên (TB = 4,15). Sinh viên cũng đồng tình cao với việc giảng viên và nhân viên bệnh viện làm việc với nhau để hỗ trợ việc học của

sinh viên (TB = 3,99) và giảng viên giúp sinh viên đạt được chỉ tiêu thực hành (TB = 3,98). Tuy nhiên, những lúc nói chuyện với giảng viên và nhân viên bệnh viện, sinh viên lại không có cảm giác như là đồng nghiệp (TB = 3,36).

Bảng 7. Sự hài lòng của sinh viên với các yếu tố của môi trường học tập lâm sàng (n = 201)

Nội dung	Mean $\pm$ SD	Min	Max
Môi trường sư phạm lâm sàng	3,61 $\pm$ 0,824	3,18	4,06
Mối quan hệ với người hướng dẫn	3,67 $\pm$ 0,959	3,58	3,84
Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa	3,79 $\pm$ 0,892	3,47	4,29
Vai trò của giảng viên lâm sàng	3,81 $\pm$ 0,780	3,36	4,15
Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa	4,01 $\pm$ 0,695	3,99	4,06
CLES+T	3,73 $\pm$ 0,721		

Điểm hài lòng chung của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng là 3,73. Trong đó, sinh viên hài lòng nhất về công tác chăm sóc điều

dưỡng tại khoa với điểm trung bình 4,01 và ít hài lòng nhất về môi trường sư phạm lâm sàng ($3,61 \pm 0,824$).

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên (n = 201)

	Đặc điểm	Mean $\pm$ SD	p
Giới tính	Nam	$3,95 \pm 0,87$	0,410
	Nữ	$4,21 \pm 0,64$	
Nhóm năm học	SV năm thứ ba, thứ tư	$4,02 \pm 0,67$	0,013*
	SV năm thứ hai	$4,29 \pm 0,62$	
Khối lâm sàng đang thực tập	Khối Nội	$4,00 \pm 0,68$	0,038*
	Khối Ngoại	$4,21 \pm 0,65$	
Số khoa lâm sàng đã đi	SV đã đi ≤ 5 khoa	$4,23 \pm 0,65$	0,142
	SV đã đi >5 khoa	$4,04 \pm 0,68$	

* $p < 0,05$: phép kiểm định T test có ý nghĩa thống kê

Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức độ hài lòng của sinh viên và hai yếu tố: nhóm năm học ($p = 0,013$) và khối lâm sàng ($p = 0,038$). Cụ thể, sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư có điểm trung bình hài lòng thấp hơn so với sinh viên năm thứ hai. Sinh viên thực tập tại khối Ngoại có điểm trung bình hài lòng cao hơn so với sinh viên thực tập tại khối Nội. Các yếu tố về giới tính, số khoa đã thực tập lâm sàng trước đó không liên quan đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành Điều dưỡng có mức độ hài lòng khá cao về môi trường học tập lâm sàng (điểm trung bình $3,73 \pm 0,721$), tương đồng với nghiên cứu của Vũ Thị Xim (2023) và Juxia Zhang (2022), tuy nhiên lại thấp hơn so với các nghiên cứu của Nguyễn Việt Phương (2023) và Agueda Cervera-Gasch (2022), đồng thời cao hơn so

với nghiên cứu của Carmen Rodríguez-García (2020) và Florence Assibi Ziba (2021).^{3,9-13} Điều này cho thấy môi trường học tập lâm sàng tại Việt Nam đã có nhiều cải tiến, nhưng vẫn còn tồn tại một số rào cản ảnh hưởng đến trải nghiệm của sinh viên.

Trong năm khía cạnh được khảo sát, “Môi trường sư phạm lâm sàng” có điểm hài lòng thấp nhất ($3,61 \pm 0,824$) Đặc biệt là tiêu chí không có phòng học dành riêng cho sinh viên ($3,18 \pm 1,149$). Mặc dù, Nghị định 111/2017/NĐ-CP quy định rõ yêu cầu này, nhiều bệnh viện vẫn chưa đáp ứng, gây bất tiện cho sinh viên trong quá trình học tập và trực lâm sàng Tuy vậy, sinh viên vẫn đánh giá cao sự đa dạng trong các tình huống thực hành lâm sàng ($3,99 \pm 0,956$) và tính phong phú trong các kỹ thuật được tiếp cận ($4,06 \pm 1,025$), thể hiện lợi thế khi được thực tập tại các bệnh viện tuyến trung ương.

Khía cạnh được đánh giá hài lòng nhất là “Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa”, ($4,01 \pm 0,695$). Điều này cho thấy sinh viên đánh giá

tích cực về môi trường chuyên môn tại nơi thực hành, đặc biệt tại các bệnh viện có đội ngũ điều dưỡng được đào tạo bài bản.⁶

Kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận sự khác biệt theo năm học và vị trí thực tập. Sinh viên thực tập tại các khoa Ngoại có mức độ hài lòng cao hơn so với khoa Nội ($p = 0,038$), phù hợp với kết quả nghiên cứu của Vũ Thị Xim (2023).⁹ Ngoài ra, nghiên cứu ghi nhận rằng sinh viên năm hai có mức độ hài lòng cao hơn so với sinh viên năm ba và năm tư ($p = 0,013$), có thể do kinh nghiệm thực hành và khả năng nhận diện môi trường học tập còn hạn chế. Một số yếu tố như giới tính và số lượng khoa đã thực tập không cho thấy ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng của sinh viên trong nghiên cứu này.

Nghiên cứu này có hạn chế do cỡ mẫu nhỏ, dữ liệu thu được chỉ giới hạn trong một khoa của một trường nên không mang tính đại diện cho tất cả các trường có đào tạo ngành Điều dưỡng trong khu vực và trên cả nước. Nghiên cứu này chỉ đánh giá được sự hài lòng của sinh viên tại một thời điểm nhất định trong khi sự hài lòng có thể thay đổi tại nhiều thời điểm khác nhau, cũng chưa thể đánh giá được các yếu tố như nơi ở và điều kiện kinh tế của gia đình có ảnh hưởng như thế nào đến trải nghiệm cũng như sự hài lòng của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng. Cần có các nghiên cứu sâu hơn lý giải một số yếu tố liên quan đến mức độ hài lòng của sinh viên. Bên cạnh đó, cần đánh giá cả ý kiến của các giảng viên về những khó khăn gặp phải trong quá trình giảng dạy lâm sàng và mức độ ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên như thế nào. Nên có những nghiên cứu được thực hiện trên cỡ mẫu lớn hơn, thu thập thông tin và đối chiếu, so sánh đồng thời trên sinh viên điều dưỡng tại nhiều cơ sở giáo dục đại học để có cái nhìn tổng quan nhất về mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Nhìn chung sinh viên Điều dưỡng hài lòng với môi trường học tập lâm sàng với điểm trung bình là $3,73 \pm 0,721$, đặc biệt ở khía cạnh công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa ($4,01 \pm 0,695$) và sinh viên ít hài lòng nhất về môi trường sự phạm lâm sàng ($3,61 \pm 0,824$).

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa năm học và khối thực tập lâm sàng với mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng ($p < 0,05$).

KHUYẾN NGHỊ

Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng trong quá trình thực hành lâm sàng.

Về phía cơ sở đào tạo, việc tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động đào tạo định kỳ có ý nghĩa rất lớn trong cải tiến chất lượng dạy-học. Dựa trên kết quả khảo sát, Nhà trường cần thường xuyên có trao đổi với các cơ sở thực hành đối tác để hỗ trợ tốt nhất cho người học.

Về phía cơ sở thực hành, các bệnh viện cần cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, đặc biệt là không gian học tập và nghỉ ngơi cho sinh viên tại khoa, nhằm tạo môi trường thuận lợi và thoải mái cho hoạt động học tập lâm sàng. Đội ngũ nhân viên y tế được khuyến khích duy trì thái độ tích cực, tăng cường hỗ trợ, giám sát và hướng dẫn sinh viên một cách chủ động, góp phần thúc đẩy cảm hứng và động lực học tập.

Đối với sinh viên điều dưỡng, cần phát triển phương pháp học chủ động, vượt qua rào cản tâm lý trong tiếp cận kiến thức chuyên môn, và tận dụng tối đa các cơ hội học hỏi tại môi trường lâm sàng. Việc ôn tập lý thuyết trước mỗi buổi thực hành, xác định mục tiêu học tập cụ thể cho từng học phần, và lập kế hoạch thực hiện là những chiến lược cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jonas Nordquist, J. H.-K. (2019, March 17), The clinical learning environment. Medical Teacher, p. Medical Teacher.
2. Elizabeth A. Flott, L. L. (2015, October 6), The clinical learning environment in nursing education: a concept analysis. JAN: Concept analysis.
3. Ziba FA, Yakong VN, Ali Z. Clinical learning environment of nursing and midwifery students in Ghana. *BMC Nurs*. 2021; 20(1): 14.
4. Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Thu Hiền, Đàm Thị Thuý. Sự hài lòng về môi trường học tập lý thuyết và lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024; 535(1). doi:10.51298/vmj.v535i1.8360
5. Tạ Thị Kim Tiến, Nguyễn Thị Nguyệt. Nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023; 530: 255-260.
6. Hồ Thị Lan Vi, Dương Thị Ngọc Bích, Phạm Thị Thảo. Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*. 2020.
7. Belay AE, Tegegne ET, Shitu AK, Belay KE, Belayneh AG. Satisfaction towards clinical learning environment and its associated factors among undergraduate nursing students at public universities in Northwest Ethiopia, 2022: A multi-center cross-sectional study. *Int J Afr Nurs Sci*. 2024; 20: 100622. doi:10.1016/j.ijans.2024.100622
8. Thapur MB, Iqbal J, Sultan A, et al. Nursing students' satisfaction regarding clinical learning environment at private nursing schools in Karachi. *J Popul Ther Clin Pharmacol*. 2023; 30(1): e1–e10.
9. Vũ Thị Xim, Nguyễn Thị Anh. Hài lòng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về môi trường học lâm sàng. *TNU J Sci Technol*. 2023; 228(12): 466-473.
10. Zhang J, Shields L, Ma B, et al. The clinical learning environment, supervision and future intention to work as a nurse in nursing students: a cross-sectional and descriptive study. *BMC Med Educ*. 2022; 22:548. doi:10.1186/s12909-022-03609-y.
11. Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Thị Thuý Trang, Nguyễn Thanh Quân, Phạm Thị Bé Kiều, Nguyễn Văn Tuấn. Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về môi trường thực hành lâm sàng. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2023; 6(4): 118-129. doi:10.54436/jns.2023.04.672.
12. Cervera-Gasch A, Gonzalez-Chorda VM, Ortiz-Mallasen V, et al. Student satisfaction level, clinical learning environment, and tutor participation in primary care clinical placements: an observational study. *Nurse Educ Today*. 2022; 108:105156.
13. Rodríguez-García C, Gutiérrez-Puertas L, Granados-Gámez G, Aguilera-Manrique G, Márquez-Hernández VV. The connection of the clinical learning environment and supervision of nursing students with student satisfaction and future intention to work in clinical placement hospitals. *J Clin Nurs*. 2020; 30(7-8): 986-994.

SUMMARY

SATISFACTION WITH CLINICAL LEARNING ENVIRONMENT OF NURSING STUDENTS AT THANG LONG UNIVERSITY

This study aimed to assess nursing students' satisfaction with the clinical learning environment at Thang Long University in 2024 and explore associated factors. A cross-sectional descriptive study was conducted from March to June 2024 involving 201 second-, third-, and fourth-year nursing students. Data were collected using the Vietnamese version of the Clinical Learning Environment, Supervision and Nurse Teacher Scale (CLES+T). The overall mean satisfaction score was 3.73 ± 0.721 . Among the dimensions, students reported the highest satisfaction with the quality of nursing care in the ward (4.01 ± 0.695) and the lowest satisfaction with the pedagogical atmosphere (3.61 ± 0.824). Satisfaction was significantly associated with academic year ($p = 0.013$) and clinical department ($p = 0.038$). Second-year students were more satisfied than third-year, fourth-year students (4.29 ± 0.62 compared with 4.02 ± 0.67), and students placed in surgical wards reported higher satisfaction compared to those in internal medicine wards (4.21 ± 0.65 compared with 4.00 ± 0.68). The findings indicate that nursing students were generally satisfied with their clinical learning environment; however, the most notable barriers were the general atmosphere and interpersonal relationships with healthcare staff in the clinical setting.

Keywords: Nursing students, clinical learning environment, satisfaction, CLES+T.